

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 02062/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2026 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch và Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Trường Đại học Bạc Liêu theo phụ lục (Các mẫu biểu số 48, 49, 1, 2.1) đính kèm.

Điều 2. Căn cứ vào dự toán chi ngân sách năm 2026 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện đúng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Phòng Kế hoạch và Tài chính và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- STC tỉnh Cà mau;
- KBNN KV XX - PGD số 16;
- Phòng KH&TC;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG


Phan Văn Đàn

**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2026****Đơn vị: Trường Đại học Bạc Liêu****Mã số: 1030149****Mã KBNN nơi giao dịch: 0972**

(Kèm theo Quyết định số: 949./ĐHBL ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Trường Đại học Bạc Liêu)

Đơn vị tính: 1.000đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	29.098.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.848.000
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (081-13)	28.848.000
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	250.000
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (103-12)	250.000

Thư

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 49./QĐ-ĐHBL ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Trường Đại học Bạc Liêu)

Đơn vị tính: 1.000đồng

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	29.098.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.848.000
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (081-13)	28.848.000
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	250.000
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (103-12)	250.000
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1030149
	Mã số KBNN nơi giao dịch	0972

Như

Đơn vị: Trường Đại học Bạc Liêu
Chương: 422



THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2026

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Ước thực hiện năm 2025 (Năm hiện hành)																			
		Tổng nguồn tài chính của đơn vị					Chi														Chênh lệch thu - chi
							Chi từ nguồn thu được để lại			Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ											
		Tổng cộng	Chi thường xuyên		Chi không thường xuyên	Tổng cộng				Chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công		Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên				Chi không thường xuyên					
Quỹ lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý		Quỹ lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý			Cấp bù học phí cho học sinh, sinh viên	Cấp bù kinh phí sinh viên sư phạm	Chính sách cho học sinh dân tộc	Chính sách khác được nhà nước cấp kinh phí	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (chi tiết từng dự án)	Hỗ trợ kinh phí không thường xuyên khác								
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+19	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG	43.697	43.697								43.544	26.337		304	16.791		112				153
III	Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động																				
1	Trường Đại học Bạc Liêu	43.697	43.697								43.544	26.337		304	16.791		112				153

như

Đơn vị: Trường Đại học Bạc Liêu
Chương: 422



THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2026

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm nay																			Chênh lệch thu - chi
		Tổng nguồn tài chính của đơn vị					Chi														
							Chi từ nguồn thu được để lại			Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ											
										Chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công	Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên				Chi không thường xuyên						
Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu dịch vụ tuyển sinh	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác	Tổng cộng	Chi thường xuyên	Chi không thường xuyên	Tổng cộng	Chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công		Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên				Chi không thường xuyên						
							Quỹ lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý			Quỹ lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Cấp bù học phí cho học sinh, sinh viên	Cấp bù kinh phí sinh viên sư phạm	Chính sách cho học sinh dân tộc	Chính sách khác được nhà nước cấp kinh phí	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (chi tiết từng dự án)	Hỗ trợ kinh phí không thường xuyên khác		
A	B	21=22+23+24+25	22	23	24	25	26=27+28+29	27	28	29	30=31+...39	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40=21-26-30
	TỔNG CỘNG	28.848	28.848								28.848	28.848									
III	Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động																				
1	Trường Đại học Bạc Liêu	28.848	28.848								28.848	28.848									-

nh



**THUYẾT MINH TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2026	Tổng số phân bổ năm 2026	Dự toán còn lại chưa phân bổ
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ	250	250	-
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN (chi tiết theo loại, khoản)	250	250	-
I.1	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia			
I.2	Nhiệm vụ KHCN cấp bộ			
I.3	Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở	250	250	-
	Loại 100 Khoản 103	250	250	-
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước			
1.1	Nhiệm vụ khoán chi			
1.2	Kinh phí không khoán chi			
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay	250	250	-
2.1	Kinh phí khoán chi			
2.2	Kinh phí không khoán chi			
II	Kinh phí thường xuyên (chia theo Loại, Khoản)			
III	Kinh phí không thường xuyên (chia theo Loại, Khoản)			